



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: P12.8 Tòa nhà M5, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84-24) 3244.40.44 / Fax: (84-24) 3244.40.45

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 26
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Đước	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Trần Thanh Phong

Số: 82./2020/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

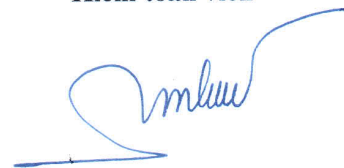
Phó Giám đốc



Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.102.682.634	55.514.851.569
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.600.545.086	9.823.994.881
1.	Tiền	111		6.600.545.086	3.823.994.881
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	19.100.000.000	23.200.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		19.100.000.000	23.200.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.386.384.249	14.844.247.960
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	8.781.351.530	11.317.553.968
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	86.901.500	1.589.671.828
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.864.136.988	2.584.073.933
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(346.005.769)	(647.051.769)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	13.013.367.919	7.646.608.728
1.	Hàng tồn kho	141		13.013.367.919	7.646.608.728
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.385.380	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.385.380	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.161.982.030	14.927.232.296
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		13.702.042.221	14.254.435.541
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13.702.042.221	14.254.435.541
	- Nguyên giá	222		65.227.948.548	60.260.071.094
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(51.525.906.327)	(46.005.635.553)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	233.055.464	180.000.000
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		233.055.464	180.000.000
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		226.884.345	492.796.755
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	226.884.345	492.796.755
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.264.664.664	70.442.083.865

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

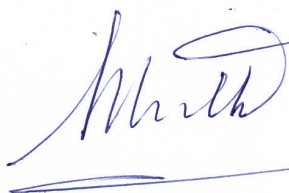
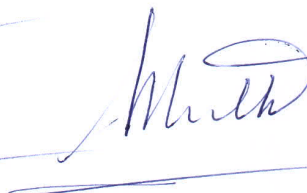
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		9.410.128.469	11.805.414.384
I.	Nợ ngắn hạn	310		9.020.128.469	11.415.414.384
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.069.972.226	4.236.943.722
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	216.350.000	1.174.050.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.096.761.877	1.470.002.632
4.	Phải trả người lao động	314		2.536.025.505	1.715.036.635
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	585.036.943	533.718.923
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		515.981.918	2.285.662.472
II.	Nợ dài hạn	330		390.000.000	390.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		390.000.000	390.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.854.536.195	58.636.669.481
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	55.615.999.850	58.362.352.676
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.249.000.000	53.443.451.436
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.249.000.000	53.443.451.436
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	680.629.176
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.366.999.850	4.238.272.064
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.366.999.850	4.238.272.064
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		238.536.345	274.316.805
1.	Nguồn kinh phí	431		-	274.316.805
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		238.536.345	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.264.664.664	70.442.083.865

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

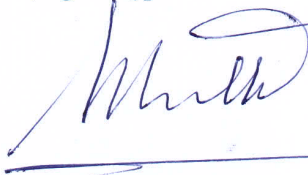
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	66.204.694.339	70.125.015.623
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.204.694.339	70.125.015.623
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	55.587.603.916	55.447.451.205
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.617.090.423	14.677.564.418
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.339.400.360	1.840.417.092
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	10.102.316.056	10.526.291.424
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.854.174.727	5.991.690.086
11.	Thu nhập khác	31	VI.04	168.136.546	207.046.902
12.	Chi phí khác	32	VI.05	256.589.944	769.322.892
13.	Lợi nhuận khác	40		(88.453.398)	(562.275.990)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.765.721.329	5.429.414.096
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	398.721.479	1.191.142.032
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.366.999.850	4.238.272.064
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	255	340
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	255	340

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72.519.631.036	77.354.179.483
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.824.361.932)	(38.827.546.294)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.425.161.682)	(36.205.316.101)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(953.081.657)	(1.300.144.029)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		829.753.815	861.376.384
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.787.875.511)	(8.526.233.824)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.641.095.931)	(6.643.684.381)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.020.932.918)	(1.272.694.545)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	129.545.455
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.100.000.000	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		941.882.554	1.840.417.092
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.949.636	697.268.002

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

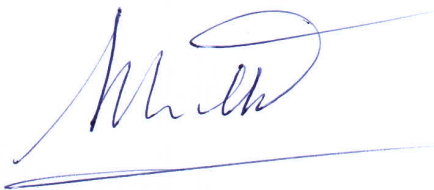
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.603.303.500)	(3.418.689.005)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.603.303.500)	(3.418.689.005)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.223.449.795)	(9.365.105.384)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.823.994.881	19.189.100.265
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.600.545.086	9.823.994.881

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu





Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Lắp đặt hệ thống điện
- Xây dựng công trình công ích và dân dụng;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	370.355.947	877.147.258
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.230.189.139	2.946.847.623
- Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
Cộng	6.600.545.086	9.823.994.881

02. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000
Cộng	19.100.000.000	19.100.000.000	23.200.000.000	23.200.000.000

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Cần Thơ. Lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,7%/năm.

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.781.351.530	11.317.553.968
- Phòng QLĐT quận Ninh Kiều	193.080.000	3.884.909.000
- Phòng QLĐT quận Cái Răng	2.139.043.746	1.969.459.997
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.449.227.784	5.463.184.971
Cộng	8.781.351.530	11.317.553.968

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn	86.901.500	1.589.671.828
- Công ty TNHH Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	-	1.528.200.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	86.901.500	61.471.828
Cộng	86.901.500	1.589.671.828

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	3.864.136.988	-	2.584.073.933	-
- Tạm ứng	2.690.847.900	-	1.730.617.346	-
- Phải thu khác	1.173.289.088	-	853.456.587	-
+ Lãi dự thu	397.517.806	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	775.771.282	-	853.456.587	-
Cộng	3.864.136.988	-	2.584.073.933	-

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban QLDA Điện nông thôn Hậu Giang	46.568.339	-	46.568.339	-
- Ban QLDA ĐTXD quận Ninh Kiều	-	-	301.046.000	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 75	104.185.609	-	104.185.609	-
- Các đối tượng khác	195.251.821	-	195.251.821	-
Cộng	346.005.769	-	647.051.769	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	318.831.524	-	358.805.694	-
- Công cụ, dụng cụ	116.865.216	-	80.131.855	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.577.671.179	-	7.207.671.179	-
Cộng	13.013.367.919	-	7.646.608.728	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	233.055.464	180.000.000
- Mua sắm	180.000.000	180.000.000
- Xây dựng cơ bản	53.055.464	-
+ Thi công nhà xe sau hội trường	53.055.464	-
Cộng	233.055.464	180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.072.199.276	2.299.461.727	53.838.700.091	49.710.000	60.260.071.094
- Mua trong năm	-	-	4.920.425.454	-	4.920.425.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành	47.452.000	-	-	-	47.452.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.119.651.276	2.299.461.727	58.759.125.545	49.710.000	65.227.948.548
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.749.248.607	1.721.683.947	41.484.992.999	49.710.000	46.005.635.553
- Khấu hao trong năm	193.925.628	133.333.332	5.193.011.814	-	5.520.270.774
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.943.174.235	1.855.017.279	46.678.004.813	49.710.000	51.525.906.327
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.322.950.669	577.777.780	12.353.707.092	-	14.254.435.541
2. Tại ngày cuối năm	1.176.477.041	444.444.448	12.081.120.732	-	13.702.042.221

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 37.373.490.807 đồng.

10. Chi phí trả trước

Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	226.884.345	492.796.755
Cộng	226.884.345	492.796.755

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	537.051.752	3.202.565.329	3.021.361.906	-	718.255.175
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	932.866.880	398.721.479	953.081.657	-	378.506.702
- Thuế thu nhập cá nhân	-	84.000	35.743.240	38.212.620	2.385.380	-
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	2.415.431.424	2.415.431.424	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	1.479.193.500	1.479.193.500	-	-
Cộng	-	1.470.002.632	7.534.654.972	7.910.281.107	2.385.380	1.096.761.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	585.036.943	533.718.923
- Kinh phí công đoàn	33.539.878	35.995.884
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	64.800.000	21.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	486.697.065	476.623.039
Cộng	585.036.943	533.718.923

15. Vốn chủ sở hữu*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.443.451.436	418.930.533	5.233.972.873	59.096.354.842
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	4.238.272.064	4.238.272.064
Phân phối lợi nhuận	-	261.698.643	(5.233.972.873)	(4.972.274.230)
Số dư cuối năm trước	53.443.451.436	680.629.176	4.238.272.064	58.362.352.676
Số dư đầu năm nay	53.443.451.436	680.629.176	4.238.272.064	58.362.352.676
Tăng vốn trong năm nay (*)	805.548.564	-	-	805.548.564
Lãi trong năm nay	-	-	1.366.999.850	1.366.999.850
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (**)	-	211.913.603	(4.238.272.064)	(4.026.358.461)
Giảm khác (*)	-	(892.542.779)	-	(892.542.779)
Số dư cuối năm nay	54.249.000.000	-	1.366.999.850	55.615.999.850

(*): Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 thông qua việc sử dụng nguồn Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, bổ sung phần vốn Nhà nước tại Công ty và phân chia cho các cổ đông khác theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

(**): Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2.423.054.961
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	211.913.603
Chi trả cổ tức	1.603.303.500
Tổng	4.238.272.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	27.666.990.000	51	49.306.451.436	92,26
- Các cổ đông khác	26.582.010.000	49	4.137.000.000	7,74
Cộng	54.249.000.000	100	53.443.451.436	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.443.451.436	53.443.451.436
+ Vốn góp tăng trong năm	805.548.564	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	54.249.000.000	53.443.451.436
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.603.303.500	2.137.738.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.424.900	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.424.900	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.424.900	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.424.900	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.204.694.339	70.125.015.623
Cộng	66.204.694.339	70.125.015.623

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.587.603.916	55.447.451.205
Cộng	55.587.603.916	55.447.451.205

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.339.400.360	1.840.417.092
Cộng	1.339.400.360	1.840.417.092

04. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	113.072.728
- Các khoản khác	168.136.546	93.974.174
Cộng	168.136.546	207.046.902

05. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	2.173.611	228.563.863
- Các khoản khác	254.416.333	540.759.029
Cộng	256.589.944	769.322.892

06. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.403.362.056	10.602.527.424
- Chi phí nhân viên quản lý	4.320.688.155	3.781.527.449
- Chi phí đồ dùng văn phòng	91.260.364	167.733.309
- Chi phí khấu hao TSCĐ	227.225.920	229.027.097
- Thuế, phí và lệ phí	448.511.424	425.351.424
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.147.994.434	1.956.022.377
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.167.681.759	4.042.865.768
b. Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(301.046.000)	(76.236.000)
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	(301.046.000)	(76.236.000)
Cộng	10.102.316.056	10.526.291.424

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	398.721.479	1.191.142.032
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	398.721.479	1.191.142.032

(*): Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.765.721.329	5.429.414.096
- Các khoản điều chỉnh tăng	227.886.067	526.296.063
+ Chi phí phạt hành vi phạm hành chính	2.173.611	-
+ Chi phí không được trừ	225.712.456	526.296.063
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.993.607.396	5.955.710.159
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	398.721.479	1.191.142.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.423.054.961
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.351.407	5.344.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>255</u>	<u>340</u>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.366.999.850	4.238.272.064
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	2.423.054.961
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.351.407	5.344.345
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>255</u>	<u>340</u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.230.570.281	15.614.025.843
- Chi phí nhân công	33.568.735.923	32.618.976.274
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.520.270.774	5.667.846.999
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.288.905.877	11.868.231.595
- Chi phí khác bằng tiền	9.752.483.117	6.960.897.918
- Chi phí dự phòng	(301.046.000)	(76.236.000)
Cộng	<u>71.059.919.972</u>	<u>72.653.742.629</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.238.400.000	1.238.400.000
Cộng	<u>1.238.400.000</u>	<u>1.238.400.000</u>

03. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠSố 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm		Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.600.545.086	-	9.823.994.881	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.954.640.618	(346.005.769)	12.171.010.555	(647.051.769)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.100.000.000	-	23.200.000.000	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Cộng	35.655.185.704	(346.005.769)	45.195.005.436	(647.051.769)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.069.972.226	4.236.943.722	(*)	(*)
Vay và nợ	-	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	-	-	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	486.697.065	476.623.039	(*)	(*)
Cộng	4.556.669.291	4.713.566.761		

(*) : Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.069.972.226	-	-	4.069.972.226
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	486.697.065	-	-	486.697.065
Cộng	4.556.669.291	-	-	4.556.669.291
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.236.943.722	-	-	4.236.943.722
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	476.623.039	-	-	476.623.039
Cộng	4.713.566.761	-	-	4.713.566.761

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong